

TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI CỦA MỘT SỐ DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở XÃ NẠM CHẢY, HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI

BÙI THỊ BÍCH LAN

NGUYỄN THỊ HUỆ

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là một trong những thách thức lớn của thế kỷ XXI, là vấn đề đang nhận được sự quan tâm của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Nước ta được đánh giá là một trong những nước sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất của BĐKH và nước biển dâng. Trong đó, vùng miền núi Tây Bắc được đánh giá sẽ bị đe dọa bởi lũ quét, sạt lở đất, hạn hán... ảnh hưởng nghiêm trọng tới đất sử dụng trong nông nghiệp (Viện Khoa học khí tượng thủy văn và môi trường, 2010, tr. 198). Một nghiên cứu khác cũng chỉ ra những tác động của BĐKH đối với nông nghiệp bao gồm: (i) An ninh lương thực không được đảm bảo do suy giảm năng suất cây trồng; (ii) Thay đổi nguồn nước do nhiều vùng bị cạn kiệt nguồn nước ngọt nhưng nhiều vùng lại bị ngập lụt, nước biển dâng; (iii) Ảnh hưởng đến hệ sinh thái như mất cân bằng, suy giảm đa dạng sinh học; (iv) Hiện tượng thời tiết cực đoan khó dự báo; và (v) Rủi ro và các thay đổi

khác như thiệt hại đến cơ sở hạ tầng (biendoikihau.cantho.gov.vn/download/?type=document&id=116). Trước những tác động tiêu cực đó, “*Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu*” đã được Chính phủ Việt Nam ban hành. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng xây dựng “*Khung chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2008 - 2020*” nhằm đạt mục tiêu chung là nâng cao khả năng thích ứng với BĐKH nhằm giảm thiểu mức độ thiệt hại, đảm bảo phát triển bền vững lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn trong bối cảnh bị tác động bởi BĐKH.

Ngành chăn nuôi ở nước ta cũng đang đứng trước nguy cơ chịu ảnh hưởng nặng nề của BĐKH. BĐKH đang làm thay đổi môi trường sống, đe dọa đến nguồn cung cấp thức ăn và nước uống cho chăn nuôi, làm giảm sức đề kháng và tăng nguy cơ bùng phát dịch bệnh. Hậu quả là năng suất sinh trưởng và sinh sản của vật nuôi bị giảm sút, kéo theo hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi bị suy giảm đáng kể, từ đó làm ảnh hưởng đến an ninh lương thực

¹ Bài viết này là kết quả của đề tài cấp Bộ “*Thay đổi sinh kế của một số dân tộc thiểu số ở vùng miền núi Tây Bắc dưới tác động của biến đổi khí hậu*” do TS. Trần Hồng Hạnh, Viện Dân tộc học làm chủ nhiệm.

(sac.edu.vn/images/filedownload/170130130083744.pdf).

Bài viết này đề cập đến những tác động của BĐKH đến hoạt động chăn nuôi và những phương thức ứng phó trước những tác động này của người dân ở xã Nậm Chảy, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Huyện Mường Khương có diện tích tự nhiên là 556,15km², bao gồm 14 tộc người cư trú ở 16 xã, thị trấn. Với tổng chiều dài 71,714km đường biên giới đất liền tiếp giáp với Trung Quốc, cửa khẩu phụ Mường Khương và các lối mở,... huyện có vị trí đặc biệt quan trọng về an ninh - quốc phòng. Đây cũng là điều kiện thuận lợi để các tộc người trên địa bàn giao lưu kinh tế - văn hóa với nước bạn. Là một xã vùng cao biên giới của huyện Mường Khương, Nậm Chảy có tổng diện tích đất tự nhiên là 17,721km², gồm 10 tộc người (chủ yếu là Hmông, Dao, Nùng) cư trú tại 14 thôn bản với tổng dân số là 2.764 nhân khẩu/532 hộ. Hoạt động sinh kế chủ yếu của các tộc người trong xã là sản xuất nông nghiệp.

1. Hoạt động chăn nuôi truyền thống

1.1. Giống vật nuôi, nguồn thức ăn và cách thức chăm sóc

Trước Đổi mới, ở các tộc người tại địa bàn nghiên cứu, những loại vật nuôi phổ biến bao gồm trâu, bò, lợn, ngựa và các loại gia cầm. Trâu, bò được nuôi chủ yếu là giống địa phương, khả năng thích nghi tốt với điều kiện đất đai và khí hậu của miền núi phía Bắc. Giống lợn truyền thống là lợn đen với đặc điểm: tầm vóc nhỏ, lưng võng, lông cứng, tai to, mõm dài, chân cao, bụng xệ... Lợn được nuôi thả rông là chính, vì vậy, thường chậm lớn, ít mỡ, khả năng sinh sản kém. Giống gà địa phương được nuôi phổ

biến là gà ri với đặc điểm thân nhỏ, chân thấp, chậm lớn.

Với gia súc, trước đây, người dân chỉ chăn thả ngoài bãi và tự tìm kiếm nguồn thức ăn tự nhiên. Những ngày giá rét hoặc đến vụ cày cấy, sau khi cày ruộng xong, họ mới dắt về buộc ở gốc cây gần nhà và chăm sóc hơn bằng cách cho ăn thêm thức ăn (cỏ, cám ngô, gạo nấu chín) để tăng cường sức đề kháng. Với lợn, ngoài việc tự kiếm nguồn thức ăn tự nhiên, họ chỉ cho ăn thêm một số loại rau và tận dụng các thức ăn dư thừa. Chỉ khi nuôi lợn đẻ hoặc cần vỗ béo lợn để chuẩn bị cho công việc lớn, người ta mới nhốt lợn trong chuồng, đặt máng cho ăn một ngày 2, 3 bữa với thức ăn là cám, khoai, sắn được nấu cùng thân chuối, rau rừng. Đối với gia cầm, ngoài thức ăn tìm kiếm trong tự nhiên, rất hiếm khi họ cho ăn thêm ngô, thóc.

Bãi chăn thả trâu, bò thường là những khoảnh đồi rừng gần nhà để tiện cho việc trông coi, tránh thất lạc hay bị mất trộm. Một nhóm các gia đình cư trú ở gần nhau thường có chung một bãi chăn thả, tạo nên sự tương trợ trong việc chăm sóc và bảo vệ đàn gia súc. Lợn và gia cầm được nuôi thả rông ở không gian quanh khu vực cư trú, không có chuồng trại. Có thể nói, cách thức chăn thả của người dân ở điểm nghiên cứu cũng như đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) vùng miền núi phía Bắc trước đây chủ yếu là thả rông, ít chăm sóc.

Cũng như các DTTS khác, ý thức phòng bệnh cho gia súc, gia cầm của các tộc người ở các điểm nghiên cứu trước đây hầu như không có. Việc chữa trị bệnh cho gia súc cũng rất đơn giản và sơ khai. Khi gia súc

có những biểu hiện như bỏ ăn, chướng bụng, tai lạnh, nước mắt chảy ra nhiều... thì người dân cho rằng, gia súc đã bị trúng gió. Theo kinh nghiệm dân gian, với những biểu hiện bất thường như trên, người Dao ở thôn Sảng Lùng Phìn thường lấy tỏi, thảo quả, lá cây *kéng xà tây* trong rừng giã nát với nhau rồi hòa với nước sôi cho uống... Với bệnh lở mồm long móng, việc chữa trị khá đơn giản: người Hmông ở Sấn Pản thường lấy quả chanh vắt lấy nước rửa sạch chân trâu, sau đó bôi trực tiếp lên đó hỗn hợp được làm từ bồ hóng trộn với một số lá cây rừng giã nát... Nếu vẫn chưa khỏi, người dân thường mời thầy cúng đến làm lễ cúng cho vật nuôi khỏi bệnh với chi phí khá tốn kém. Để tránh tình trạng lây lan, khi thấy gia súc có dấu hiệu nhiễm bệnh, người ta chuyển những con khỏe ra khỏi bãi chăn thả chung. Với gia súc bị chết bệnh, họ đào hố chôn, lấp đất thật kỹ, đồng thời làm dấu báo hiệu cho các gia đình khác không chăn dắt gia súc gần khu vực đó.

1.2. Quy mô, mục đích và sự tương trợ

Hầu hết các hộ gia đình đều chăn nuôi với quy mô nhỏ lẻ, phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của gia đình chứ ít đem bán hoặc trao đổi. Tuy nhiên, do tập quán, nhu cầu sử dụng cũng như điều kiện về nguồn thức ăn và bãi chăn thả mà mức độ đầu tư mỗi loại vật nuôi ở mỗi gia đình, mỗi thôn bản là khác nhau.

Trâu, bò được những hộ có điều kiện chú trọng đầu tư do đáp ứng nhu cầu về thực phẩm trong các công việc đại sự, về sức kéo trong trồng trọt và là vật nuôi có giá trị khi bán hoặc trao đổi. Hầu hết các gia đình người Dao đều nuôi lợn vì vào các ngày lễ

lớn, gia đình nào cũng mổ lợn để cúng tế và tổ chức ăn uống. Chăn nuôi gia cầm cũng khá phổ biến do vốn đầu tư thấp và mang nhiều giá trị sử dụng (nguồn thực phẩm, vật hiến sinh). Hộ nuôi ít cũng có trên dưới chục con để dùng khi gia đình có việc, không phải vay mượn anh em, họ hàng.

Trong xã hội của các DTTS ở nước ta, sự tương trợ giữa các thành viên, giữa các gia đình trong cộng đồng là một đặc trưng văn hóa. Tính tương trợ này cũng được thể hiện rõ nét trong hoạt động chăn nuôi của người dân ở điểm nghiên cứu. Với những gia đình cùng chung nhau một bãi chăn thả trâu bò, họ cất cử luân phiên nhau đi thăm nom mỗi ngày. Nếu phát hiện có vấn đề về bệnh dịch hay thất lạc, họ kịp thời thông báo và cùng nhau giải quyết. Họ cũng thường trao đổi con giống với nhau nếu nhà nào có giống tốt. Nếu không có điều kiện, họ mượn giống, đến khi con giống sinh sản mới phải trả tiền hoặc cũng có thể trả bằng con giống mới.

1.3. Vai trò của chăn nuôi trong cơ cấu kinh tế truyền thống

Trước Đổi mới, cũng như các DTTS khác ở miền núi phía Bắc, nền kinh tế của người dân ở xã Nậm Chảy chủ yếu vẫn mang tính khép kín, tự cấp tự túc. Trong khi trồng trọt đóng vai trò chủ đạo, chăn nuôi cùng với thủ công gia đình, khai thác tự nhiên và trao đổi hàng hóa chỉ là các hoạt động sinh kế bổ trợ. Các loại gia súc, gia cầm được nuôi chỉ để đáp ứng nhu cầu về sức kéo trong trồng trọt, nhu cầu thực phẩm cho sinh hoạt thường ngày, các hoạt động tín ngưỡng của gia đình, cộng đồng và đôi khi để trao đổi, mua bán. Hầu hết các nghi lễ tín ngưỡng (nông nghiệp, chu kỳ đời người, cầu

an hay bói bệnh) đều cần có vật hiến sinh. Trong một số truyền thống văn hóa, vật nuôi trong gia đình, đặc biệt là gia súc lớn có sừng, còn được xem như là một tiêu chí để phân loại giàu nghèo (Nhóm công tác Biến đổi khí hậu dân tộc thiểu số, 2011, tr. 34). Nhìn chung, trước Đổi mới, do tập quán thả rông, ít chăm sóc và dựa vào thiên nhiên là chính nên chăn nuôi cho năng suất thấp, chưa mang tính hàng hóa và chỉ là một hoạt động kinh tế phụ trợ.

2. Hoạt động chăn nuôi hiện nay và những tác động của biến đổi khí hậu đến chăn nuôi

2.1. Hoạt động chăn nuôi hiện nay

Hoạt động chăn nuôi của các dân tộc ở xã Nậm Cháy nhìn chung không ổn định và có chiều hướng suy giảm trong một số

năm gần đây (xem Bảng 1). Thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu cho thấy, mức độ đầu tư cho chăn nuôi đại gia súc hiện nay có sự suy giảm so với hơn 10 năm trước đây. Ngoài xu hướng thay thế sức kéo bằng các loại máy móc, sự thu hẹp nguồn thức ăn, bãi chăn thả, còn phải kể tới một nguyên nhân quan trọng là sự gia tăng bệnh dịch trên gia súc do điều kiện thời tiết... Cuối những năm 1990, ở thôn Sấn Pán, trung bình mỗi hộ người Hmông có từ 3 đến 5 con trâu, 1 đến 2 con bò; ở thôn Sảng Lùng Phìn, trung bình mỗi hộ người Dao nuôi 6 - 7 con trâu, thậm chí có vài hộ do sẵn nguồn nhân lực nên đầu tư đàn trâu lên tới 30 - 40 con/hộ. Đến năm 2014, trung bình ở thôn Sấn Pán chỉ còn 1,53 con trâu/hộ, 0,46 con bò/hộ và ở thôn Sảng Lùng Phìn giảm xuống chỉ còn 3,0 con trâu/hộ.

Bảng 1. Tình hình chăn nuôi ở xã Nậm Cháy (2010 - 2015)

Đơn vị tính: con

Năm	Các loại gia súc, gia cầm				
	Trâu	Bò	Ngựa	Lợn	Gia cầm
2010	1.250	88	196	1.600	7.600
2011	1.169	94	145	1.208	8.300
2012	1.061	68	81	1.067	9.310
2013	933	68	43	944	12.130
2014	980	53	27	1.360	9.700
2015	1.024	53	11	895	12.500

Nguồn: UBND xã Nậm Cháy, 2015a; 2015b.

Do khả năng thích nghi với điều kiện tự nhiên, không kén thức ăn, dễ bán ra thị trường nên hiện tại, giống lợn địa phương vẫn được nuôi phổ biến. Có một số hộ áp dụng nuôi lợn lai nhưng đa phần chưa có thói quen nuôi lợn bằng cám công nghiệp. Người dân chưa thấy hiệu quả kinh tế đối với loại giống mới này, bởi chi phí đầu tư cao, giá thành thấp, không ngon bằng lợn địa phương và cũng không dễ bán. Về quy mô, số lượng đàn lợn trên địa bàn xã cũng có xu hướng giảm trong vài năm trở lại đây, từ 1.600 con năm 2010 xuống còn 895 con năm 2014. Lãnh đạo xã cho biết, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trên là do sự xuất hiện của dịch tả, đặc biệt là do sự suy giảm đáng kể sản lượng lương thực, dẫn tới sự khan hiếm nguồn thức ăn chính cho loại gia súc này bởi những tác động của thiên tai (nhất là hạn hán).

Đàn gia cầm đang được người dân mở rộng về quy mô, từ 7.600 con năm 2010 lên 12.500 con năm 2015. Ngoài phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, làm thực phẩm, đồ tế lễ và thức ăn trong các dịp lễ tết, hiện nay, một số gia đình còn nuôi gia cầm để bán cho các tư thương (đến thu mua tại nhà). Đối với những hộ này, chăn nuôi đã trở thành sản phẩm hàng hóa và đem lại nguồn thu nhập tương đối ổn định. Với sự xuất hiện của các phương tiện đi lại, đàn ngựa trên địa bàn xã suy giảm nhanh, chỉ còn số lượng không đáng kể (xem Bảng 1).

Có thể khẳng định, hiện nay, không ít nguồn lực trong phát triển chăn nuôi ở vùng đồng bào DTTS đã được tăng cường (nguồn vốn, chính sách, thị trường...). Song, tình hình chăn nuôi ở các điểm nghiên cứu vẫn chưa thực sự có tiềm năng phát triển. Chính

các hiện tượng thời tiết cực đoan xuất hiện ngày một nhiều đang góp phần không nhỏ làm hạn chế hiệu quả đầu tư, ý định đầu tư cho hoạt động chăn nuôi của các hộ dân, nhất là với những hộ đã từng chịu thiệt hại.

2.2. Những tác động của biến đổi khí hậu đến chăn nuôi

2.2.1. Giảm sức đề kháng và tăng nguy cơ bùng phát dịch bệnh

Tại Mường Khương, đầu năm năm 2011, rét đậm rét hại đã làm chết 996 con gia súc, dịch lở mồm long móng làm 128 con gia súc bị mắc bệnh, gây thiệt hại lớn cho ngành chăn nuôi (UBND huyện Mường Khương, 2011, tr. 4). Năm 2009, tại xã Nậm Cháy, đợt rét đậm, rét hại đã làm chết 192 con trâu, trong đó, riêng ở thôn Sắn Pản là 16/134 con (11,9%). Năm 2013, tại thôn Sảng Lùng Phìn, đợt rét đậm rét hại làm chết 13/106 con trâu (12,3%)...

Bên cạnh đó, thời tiết mưa nắng thất thường, sau hạn hán xuất hiện mưa kéo dài cũng làm cho dịch bệnh ở đàn gia súc dễ bùng phát như dịch lở mồm long móng, tụ huyết trùng ở trâu bò, dịch tả ở lợn... Dịch bệnh thậm chí còn xảy ra trên cả vật nuôi đã được tiêm phòng. Đối với đàn gia cầm, dịch bệnh xảy ra cũng ngày càng nhiều, nhất là vào mùa rét. Người dân cho biết, trước đây, trung bình một năm chỉ xảy ra 1 lần, nay thường là 2, 3 lần. Không ít hộ ở các điểm nghiên cứu bị mất cả đàn sau mỗi đợt dịch, từ đó, tác động rất lớn đến tâm lý đầu tư cho chăn nuôi của người dân. Kết quả thống kê cho thấy, do tình hình dịch bệnh mà số lượng đàn gia cầm của xã Nậm Cháy tăng giảm thất thường qua các năm. Do ít dịch bệnh, đàn gia cầm của xã được phát triển

nhanh từ 9.310 con vào năm 2012 lên 12.130 con vào năm 2013. Sang đến năm 2014, 2 đợt dịch liên tiếp vào mùa rét đã làm cho số lượng bị giảm mạnh từ 12.130 con xuống còn 9.700 con (xem Bảng 1).

2.2.2. Suy giảm nguồn thức ăn và môi trường sống

Các hiện tượng thời tiết cực đoan như lũ lụt, mưa đá, hạn hán, nhiệt độ quá thấp, quá cao... đều dẫn tới tình trạng khan hiếm nguồn thức ăn, làm giảm chất lượng nguồn thức ăn (thức ăn tự nhiên và thức ăn do con người sản xuất); từ đó, giảm sức đề kháng và hạn chế sự sinh sản, phát triển của các loại vật nuôi (Nguyễn Công Thảo và cộng sự, 2013).

Cỏ là loại thức ăn tự nhiên chủ yếu của trâu, bò. Loại cây này thường sinh trưởng kém vào những đợt rét đậm, rét hại hoặc hạn hán kéo dài. Những hiện tượng thời tiết cực đoan còn làm ảnh hưởng trực tiếp đến diện tích, sản lượng những loại cây trồng cung cấp nguồn thức ăn chủ yếu cho các loại vật nuôi như lợn và các loại gia cầm. Tại xã Nậm Chảy, năm 2012 và 2014, hạn hán kéo dài đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản lượng cây trồng trên toàn xã, lúa mất mùa nặng, ngô không ra bắp. Điển hình là ở thôn Sấn Pản, đợt hạn hán kéo dài vào tháng 6 và 7 năm 2014 đã làm cho toàn bộ diện tích ngô của thôn bị thất thu.

Môi trường sống của các loại vật nuôi cũng bị thu hẹp dần. Trước đây, trâu bò có thể được thả rông trong các khoảng đồi rừng, dù xa nơi cư trú nhưng rất sẵn nguồn thức ăn. Nay, bà con chỉ thả hoặc chăn dắt quanh thôn bản để nếu thấy có các dấu hiệu thời tiết bất thường (mưa, lũ, sạt lở đất...) thì có thể kịp thời lừa về nhà. Vì thế, nguồn

thức ăn tự nhiên cũng không dồi dào như trước. Một người dân ở thôn Sảng Lùng Phìn cho biết: "...Cách đây hơn chục năm, do đồi, rừng sẵn cỏ nên người dân ở đây nuôi nhiều trâu lắm. Nay mỗi hộ chỉ còn 2 - 3 con vì không thả rông được nữa, cỏ lại hiếm dần và phải có người chăn dắt. Người lớn thì có lúc bận đi làm thuê, trẻ con thì đi học...". Một số hiện tượng thời tiết cực đoan còn có ảnh hưởng không nhỏ đến hệ thống chuồng trại của vật nuôi. Điển hình là ở thôn Sảng Lùng Phìn, năm 2013, trận gió lốc lớn đã thổi bay mái lợp của hầu hết các chuồng trại gia súc.

2.2.3. Hạn chế năng lực tiếp cận thị trường và kinh tế hộ

Kết quả khảo sát cho thấy, BĐKH làm ảnh hưởng tới hạ tầng giao thông, hạn chế khả năng tiếp cận thị trường của người dân trong hoạt động chăn nuôi. Việc mở rộng quy mô, đưa sản phẩm chăn nuôi trở thành hàng hóa không thuận lợi phần nhiều là do những trở ngại về điều kiện giao thông. Việc đi lại nơi đây rất khó khăn, nhất là vào mùa mưa, bởi các con đường dù mới được xây dựng hoặc cải tạo vẫn liên tục bị phá nát do sạt lở, mưa lũ... Nhất là ở hai thôn Cốc Râm B và Lao Chải, người dân không thể đưa sản phẩm chăn nuôi ra chợ bán theo giá thị trường mà chỉ biết thụ động chờ thương lái vào tận nơi thu mua. Do bị ép giá nên các nông sản không đem lại hiệu quả kinh tế.

Với việc ảnh hưởng tới nguồn thức ăn và môi trường sống, giảm sức đề kháng và tăng nguy cơ bùng phát dịch ở các loại vật nuôi cũng như hạn chế khả năng tiếp cận thị trường... như đã phân tích ở trên, có thể khẳng định, BĐKH đang có tác động tiêu

cực không nhỏ tới kinh tế hộ, nhất là những hộ đầu tư nhiều cho chăn nuôi. Thông thường, những hộ có mức sống tương đối khá mới chú trọng phát triển chăn nuôi, còn những gia đình khó khăn không dám đầu tư (nhất là chăn nuôi đại gia súc) do sợ bị dịch bệnh. Không ít hộ đã đầu tư xây dựng chuồng trại kiên cố nhưng sau một đợt thiên tai hoặc dịch bệnh, họ chịu thiệt hại nặng và đã bỏ không chuồng trại trong thời gian dài. Chăn nuôi đã trở thành một hoạt động sinh kế đem lại thu nhập chính (đối với một số ít hộ), nhưng nếu bị ảnh hưởng của thiên tai và bệnh dịch, chăn nuôi cũng có thể làm cho các hộ luân chuyển trong nghèo đói. Đã không hiếm hộ nghèo được ưu tiên vay vốn nhà nước để đầu tư vào chăn nuôi, nhưng khi dịch bệnh xảy ra thì chăn nuôi không những không cải thiện được sinh kế như mong đợi mà còn đẩy người dân rơi vào cảnh nợ nần như hộ Hoàng Seo Quảng (thôn Sấn Pần), hộ Tân Lao Tả (thôn Sáng Lùng Phìn)...

3. Ứng phó của người dân trước những tác động của biến đổi khí hậu tới chăn nuôi

3.1. Thay đổi phương thức chăm sóc

Tăng cường nguồn dinh dưỡng. Thức ăn chủ yếu của trâu, bò thường ngày chỉ là cỏ tự nhiên. Tuy nhiên, vào những ngày rét đậm, rét hại, người dân nhốt chuồng gia súc, không chăn dắt, tăng cường cho ăn cỏ, cám ngô nấu chín; đồng thời, mặc áo mưa cho nghé, lấy bạt phủ kín và đốt củi quanh chuồng gia súc để tránh rét. Nếu có chăn thả thì chỉ ở khu vực gần nhà, có địa hình thấp nhằm tránh gió lùa. Với gia cầm, ngoài thức ăn tự nhiên, người dân đã tăng cường cho ăn thêm ngô, thóc (2 - 3 lần/ngày), nhất là những hộ nuôi với số lượng lớn, xuất ra thị trường.

Kiên cố hóa chuồng trại. Việc đầu tư kiên cố hóa chuồng trại cũng thể hiện ý thức chăm sóc và phòng tránh bệnh dịch cho vật nuôi của người dân ở xã Nậm Chảy ngày càng được nâng cao, nhất là đối với gia súc. Với địa hình đất dốc là chủ yếu, việc dựng chuồng trại quanh nhà còn gặp nhiều khó khăn nhưng do sự thay đổi nhận thức, sự hỗ trợ từ Nhà nước và chính quyền địa phương, khoảng 30% số hộ chăn nuôi đại gia súc ở các điểm nghiên cứu đã xây dựng chuồng trại quanh nhà. Thay vì thả rông hoàn toàn trên đồi hoặc chỉ dựng chuồng tạm bợ quanh nhà bằng các thân cây, hiện nay, để tăng cường sự chống chịu trước gió lốc, mưa đá, rét đậm rét hại,... chuồng trại trâu, bò đã được làm cẩn thận hơn, có mái che và dùng gỗ ván quay kín xung quanh. Với ý thức tận dụng chất thải cho trồng trọt, bảo vệ môi trường khỏi ô nhiễm không khí, phòng tránh bệnh cho người và vật nuôi... nên đa phần các hộ nuôi lợn cũng đã xây dựng chuồng trại.

Tăng cường tiêm phòng dịch cho vật nuôi. Những năm gần đây, do tình hình dịch bệnh diễn biến ngày càng phức tạp, việc tiêm phòng cho đàn vật nuôi trở thành hoạt động thường xuyên, có tính chất định kỳ của phần lớn các nông hộ ở xã Nậm Chảy. Cán bộ thú y đã đến từng nhà để tiêm phòng vắc xin cho các loại gia súc. Các loại vắc xin tiêm phòng cũng ngày một đa dạng hơn tùy theo tình hình thực tế dịch bệnh diễn ra trên địa bàn. Kết quả thống kê kỳ 1 năm 2015 trên địa bàn xã cho thấy, tỷ lệ tiêm vắc xin phòng chống bệnh lở mồm long móng và tụ huyết trùng trên đàn trâu, bò đạt 80,1% (870/1.086 con/loại bệnh); vắc xin phòng dịch tả trên đàn lợn đạt 68,5% (550/803 con)

(xem Bảng 2). Khi vật nuôi có dấu hiệu nhiễm bệnh, ngoài việc chữa trị bằng các bài thuốc dân gian, một bộ phận người dân đã có ý thức báo chính quyền thôn và gọi cán bộ trạm thú y về tiêm để tránh làm bùng phát dịch.

Bảng 2. Tình hình tiêm phòng vắc xin kỳ 1 năm 2015 cho đàn gia súc trên địa bàn xã Nậm Cháy

Đơn vị tính: *con*

STT	Thôn	Số lượng vật nuôi		Số lượng được tiêm phòng vắc xin		
		Trâu, bò	Lợn	Lở mồm long móng (trâu, bò)	Tụ huyết trùng (trâu, bò)	Tả (lợn)
1	Lùng Phìn A	133	83	100	100	40
2	Sảng Lùng Phìn	108	55	90	90	30
3	Cốc Ngù	114	90	100	100	40
4	Sí Giàng Phìn	79	65	60	60	30
5	Củi Pao Phìn	11	25	10	10	20
6	Lao Chải	43	24	10	10	20
7	Nậm Cháy	105	84	80	80	40
8	Cốc Râm A	91	50	80	80	30
9	Cốc Râm B	54	45	50	50	30
10	Cụm Ré	49	65	40	40	30
11	Gia Khâu A	74	47	60	60	30
12	Gia Khâu B	55	60	50	50	30
13	Mào Phìn	84	50	70	70	30
14	Sán Pản	86	60	70	70	30
	Tổng	1.086	803	870	870	550

Nguồn: Kết quả thống kê của UBND xã Nậm Cháy, 2015.
(Hội trưởng Hội nông dân xã cung cấp)

3.2. Tăng cường sự hỗ trợ từ bên ngoài

Tính tương trợ trong sinh kế giữa các gia đình có quan hệ dòng họ, quan hệ láng giềng vốn đã được thiết lập từ lâu và cũng là truyền thống tốt đẹp của các tộc người ở xã Nậm Cháy. Trong chăn nuôi hiện nay, khi những rủi ro từ hoạt động này có xu hướng gia tăng, sự tương trợ này càng được thể hiện rõ nét hơn. Người Hmông ở Sấn Pản cho biết, gia đình nào trong thôn có gia cầm bị chết dịch cả đàn, họ sẽ được anh em, bà con láng giềng hỗ trợ một vài con giống. Với lợn, thường chỉ anh em họ hàng gần mới trợ giúp giống cho nhau. Nếu vật nuôi có giá trị như trâu bò bị chết dịch, họ sẽ được anh chị em trong gia đình trợ giúp một khoản tiền để đầu tư giống mới. Để tránh lây lan trên diện rộng, người dân có ý thức nhắc nhở nhau về việc tiêu hủy các loại gia súc, gia cầm nhiễm bệnh, chôn sâu và xa nơi cư trú của bản.

Những năm gần đây, ngoài sự giúp đỡ của anh em họ hàng, các hộ chăn nuôi còn được tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước và chính quyền địa phương, của một số tổ chức phi chính phủ trong việc phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ đàn gia súc, gia cầm trước tác động của thiên tai và BĐKH. Một bộ phận nông hộ ở các thôn, xã thuộc huyện Mường Khương đã được hỗ trợ một phần kinh phí để xây dựng chuồng trại gần nhà. Công tác khoanh vùng, cách ly, tiêm điều trị cho gia súc mắc bệnh, phun tiêu độc khử trùng tại các khu vực chăn thả, chuồng trại được triển khai tương đối kịp thời.

Để hỗ trợ phát triển chăn nuôi, Chương trình 135 và Ngân hàng Thế giới

(WB) đã triển khai hỗ trợ con giống (lợn, gà, vịt) cho một số hộ nghèo trong xã. Năm 2009, theo Chương trình 135, 2 hộ trong thôn Sấn Pản được Nhà nước hỗ trợ nuôi bò lấy giống. Cũng ở thôn này, năm 2015, 15 hộ nghèo được cấp 50 con vịt giống/hộ. Năm 2012, Hội Chữ thập đỏ của huyện Mường Khương đã hỗ trợ 2 bò sinh sản cho 2 hộ nghèo ở Sảng Lùng Phìn. Năm 2014, WB có chương trình hỗ trợ cho 15 hộ nghèo ở thôn Sấn Pản: lợn giống (2 con/hộ) và vịt giống (50 con/hộ). Năm 2013, thôn Sảng Lùng Phìn có 17 hộ nghèo được WB hỗ trợ 50 gà giống/hộ. Đến năm 2014, 12 hộ nghèo và 5 hộ khá trong thôn này tiếp tục được WB hỗ trợ 50 con gà/hộ. Tuy nhiên, số gà được hỗ trợ này đa số bị chết chỉ sau một thời gian ngắn. Theo đánh giá chung của người dân và chính quyền, do không phù hợp với điều kiện của địa phương cũng như do tình hình dịch bệnh phức tạp nên cho đến nay, các loại vật nuôi được hỗ trợ vẫn chưa thực sự đem lại hiệu quả kinh tế cho các hộ gia đình.

3.3. Tìm kiếm việc làm phi nông nghiệp để đảm bảo sinh kế

Chăn nuôi ở vùng đồng bào DTTS nước ta nói chung đang có những dấu hiệu khởi sắc nhất định. Nhưng với không ít hộ chăn nuôi ở xã Nậm Cháy, tình hình thời tiết và dịch bệnh diễn biến phức tạp trong những năm gần đây là một trong những nguyên nhân khiến các hộ dân xem chăn nuôi chưa phải là một hoạt động sinh kế có tiềm năng.

Một bộ phận người Hmông ở thôn Sấn Pản (gần 20 người), thôn Sảng Lùng Phìn (gần 30 người) hiện đang tham gia hoạt động

làm thuê ở trong thôn, xã hoặc bên Trung Quốc. Một số gia đình ở xã Nậm Chảy có diện tích trồng chuối lớn nên thường thuê lao động địa phương khi vào vụ thu hoạch với các công việc như trồng, phun thuốc, thu hoạch chuối... Ngoài làm thuê ở trong thôn, xã, vài năm gần đây, người dân ở xã Nậm Chảy còn làm thuê cho người Trung Quốc ở bên kia biên giới với các công việc như bốc vác, thủy lợi, trồng và thu hoạch chuối, thông... Việc làm có quanh năm, họ đi theo nhóm, trên dưới 10 người và thời gian đi thường 1 tuần đến 10 ngày/lần. Họ được chủ lo ăn ở và thù lao trung bình khoảng 50 - 60 nhân dân tệ/ngày (khoảng 150.000 - 180.000 đồng). Với những việc nặng nhọc như đào hố chuối, vác thông... thì mức thù lao sẽ cao hơn, khoảng 80 nhân dân tệ/ngày (240.000 đồng). Ngoài ra, một vài nam giới trong thôn còn tham gia xây dựng các công trình giao thông cho các chủ người Kinh trên địa bàn huyện. Người dân cho biết, sau đợt hạn hán nặng xảy ra vào tháng 6 và 7 năm 2014, do chịu thiệt hại nặng trong sản xuất nông nghiệp mà số lượng người tham gia hoạt động làm thuê ở các thôn trong xã đang có xu hướng gia tăng.

Như vậy, để đảm bảo cuộc sống khi gặp thiệt hại nặng trong sản xuất nông nghiệp, trong đó có chăn nuôi, một trong những cách ứng phó của người dân ở xã Nậm Chảy nhằm đảm bảo sinh kế là tìm kiếm nguồn thu nhập phi nông nghiệp. Tuy nhiên, giữa Việt Nam và Trung Quốc lại chưa có ký kết, hợp tác trong việc trao đổi và đảm bảo quyền lợi cho người dân khi tham gia hoạt động lao động này. Vì thế,

không ít rủi ro đã xảy ra với bộ phận người dân sang Trung Quốc làm thuê như chủ không trả lương sòng phẳng, phụ nữ bị lừa bán, rạn nứt quan hệ gia đình...

Kết luận

Biến đổi khí hậu là một vấn đề nóng đang được quan tâm không những chỉ bởi các nhà khoa học mà cả các chính trị gia và toàn bộ cộng đồng. BĐKH ảnh hưởng đến toàn bộ các lĩnh vực của đời sống con người, trong đó có sinh kế. Trong hoạt động chăn nuôi, kết quả nghiên cứu cho thấy, BĐKH có thể ảnh hưởng đến nguồn cung cấp thức ăn và môi trường sống, làm giảm sức đề kháng, tăng khả năng sinh bệnh, truyền bệnh dịch của đàn gia súc, gia cầm... Từ đó, gây thiệt hại không nhỏ cho người chăn nuôi.

Trước những thách thức đó, người dân ở điểm nghiên cứu đã có sự ứng phó trước những tác động của BĐKH tới hoạt động chăn nuôi như kiên cố hóa chuồng trại, tăng cường nguồn thức ăn, tham gia tiêm phòng dịch, tìm kiếm việc làm phi nông nghiệp... Tuy nhiên, những ứng phó này đa phần chỉ mang tính manh mún, tự phát; thiếu những giải pháp mang tính chiến lược, đồng bộ và rất cần sự can thiệp hiệu quả hơn nữa của các ban, ngành chức năng liên quan. Vẫn còn một bộ phận không nhỏ (70%) các hộ gia đình chăn nuôi đại gia súc theo lối thả rông, chưa có chuồng trại. Phần lớn các hộ nuôi lợn ở điểm nghiên cứu đã dựng chuồng trại, song vẫn nuôi theo phương thức thả rông, vừa nuôi nhốt. Người dân vẫn thả lợn sau khi kết thúc việc thu hái mùa màng và trước khi gieo trồng vụ mới. Chất thải đã

không được xử lý, góp phần gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường, tăng nguy cơ bùng phát và lây lan bệnh dịch. Công tác tổ chức triển khai tập huấn, tuyên truyền, vận động người dân chủ động chăm sóc tốt cho đàn vật nuôi của chính quyền địa phương nhiều khi còn mang tính hình thức, chưa thực sự hiệu quả...

Từ kết quả nghiên cứu, có thể thấy, để giảm thiểu những tác động của BĐKH đến hoạt động chăn nuôi ở vùng đồng bào DTTS, một số vấn đề cần được quan tâm trong thời gian tới như tiếp tục nâng cao ý thức phòng chống bệnh dịch cho các nông hộ; đẩy mạnh công tác nghiên cứu chọn tạo giống vật nuôi có sức đề kháng cao với dịch bệnh và biến đổi khí hậu; tăng cường công tác theo dõi và tiêm phòng trên đàn vật nuôi...

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Thị Kim Dung, “Biến đổi khí hậu và những thách thức đối với ngành chăn nuôi”, *Tạp san Khoa học và giáo dục*, số 2, trên trang: sac.edu.vn/images/filedownload/170130130083744.pdf.

2. Nhóm công tác Biến đổi khí hậu dân tộc thiểu số (2011), *Biến đổi khí hậu: Tác động, khả năng ứng phó và một số vấn đề về*

chính sách (Nghiên cứu trường hợp đồng bào các dân tộc thiểu số vùng núi phía Bắc), Hà Nội.

3. Nguyễn Công Thảo và cộng sự (2013), *Sự thích ứng với biến đổi khí hậu của người La Chí ở tỉnh Hà Giang*, Báo cáo đề tài cấp Viện, Thư viện Viện Dân tộc học.

4. UBND huyện Mường Khương (2011), *Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch nhà nước năm 2011, phương hướng nhiệm vụ chủ yếu năm 2012*.

5. UBND xã Nậm Chảy (2015a), *Số liệu về phát triển kinh tế 5 năm (2010 - 2014)*.

6. UBND xã Nậm Chảy (2015b), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng 6 tháng đầu năm 2015*.

7. Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo thích ứng với biến đổi khí hậu, Vụ Khoa học công nghệ và môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, “*Tác động của biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực thuộc ngành nông nghiệp*”, trên trang: biendoikhihau.cantho.gov.vn/download/?type=document&id=116.

8. Viện Khoa học khí tượng thủy văn và môi trường (2010), *Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.